Viết Theo Cuốn "Vũ Hoàng Chương: Ta Còn Để Lại Gì Không"

*Song Thao

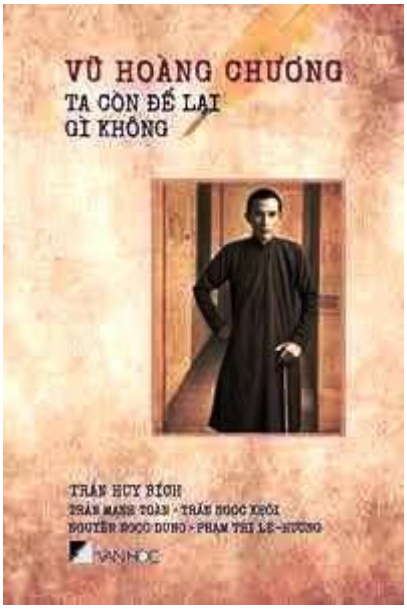

Cuốn "***Vũ Hoàng Chương: Ta Còn Để Lại Gì Không***" do Văn Học phát hành đã được trình làng trong dịp cùng Việt Báo và đài SBTN tổ chức buổi lễ giỗ 50 năm ngày mất của thi hào vào ngày 20/9/2026 vừa qua. Đây là lễ vật quý dâng lên người thầy của các học sinh ban Văn Chương trường Chu Văn An Sài Gòn. Trần Huy Bích là người chấp bút chính.

Tôi không lạ gì anh Trần Huy Bích, bạn cùng lớp Đệ Tam C trường Chu Văn An niên khóa 1954-1955 khi chúng tôi mới chân ướt chân ráo di cư vào Nam. Khi đó anh đã nhuần nhuyễn chữ Hán khiến anh em cùng lớp phải thán phục gọi anh là "*ông đồ Bích*". Ông đồ này rất… đồ. Đồ từ cách cư xử với bạn bè tới lối sống rất vừa lòng Đức Khổng Tử. Trước đây, khi anh *Trần Như Tráng*, một trong những anh em trong lớp, được học bổng du học Mỹ, có gửi về cho anh em trong lớp một cuốn tuyển tập truyện ngắn tiếng Anh dày cộm với lời dặn dò đại khái: "***Tao gửi về cho thằng Sơn, thằng Quảng , thằng Bạch, thằng Triều. Riêng ông đồ Bích, tao sẽ tìm cuốn chữ Nho gửi về sau!***". Ông đồ Bích sau này theo học khóa sĩ quanThủ Đức, ra trường được bổ về dậy tại Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, được học bổng du học Mỹ, cũng đã lấy được cái bằng Tiến Sĩ y như ***ông Trần Như Tráng***. Thế mới biết sự cần cù và tài học chữ của ông đồ uyên thâm đến thế nào.

Anh Trần Huy Bích rất cần cù và có trí nhớ dai. Tết năm 1955, cái tết đầu tiên của chúng tôi từ khi rời miền Bắc di cư vào Nam, anh *Phạm Công Bạch* rủ một số anh em trong lớp đi tết thầy Vũ Hoàng Chương. Thầy đã cho chữ mỗi người trên một tấm giấy hồng đào để treo tết. Chữ của thầy nổi tiếng là rồng bay phượng múa. Thập niên 1990, tại Canada, tôi có viết một bài về thầy có kể lại chuyện này nhưng chịu chết không nhớ ra được câu chữ thầy cho mình. Hỏi cầu âu anh Bích, nghĩ anh cũng chẳng nhớ được, cũng đã gần nửa thế kỷ rồi, nhưng thật bất ngờ, anh nhớ không những chữ thầy viết cho tôi mà còn nhớ gần đủ chữ thầy cho tất cả sáu anh em có mặt bữa đó. Thật bái phục.

Giờ ngồi nghĩ lại bữa tết thầy bữa đó mà lòng phân vân tự hỏi tại sao lại có buổi chúc tết thầy như vậy. Thường khi lên tới lớp Đệ Tam, lớn rồi, đâu còn khăng khít với thầy cô như thời tiểu học. Ngay nhà thầy ở đâu, học trò 16, 17 tuổi đâu có cần biết.Vậy mà chúng tôi còn theo anh Bích tới chúc tết thầy. Nói vì thầy là một nhà thơ nổi tiếng nên chúng tôi ngưỡng mộ cũng không hẳn. Thầy Vũ Khắc Khoan dậy chúng tôi môn Sử Địa, nhưng chúng tôi đâu có biết chốn cư ngụ của ông "thần tháp rùa".

Lại nữa, nhà báo *Đỗ Tiết Nghi*, nguyên Chủ Bút tuần báo Thời Báo Canada, cũng học lớp Đệ Nhị C niên khóa 1966-1967, cũng quý mến thầy chẳng kém chúng tôi. Thầy Chương không biết đi xe đạp, thầy dùng xe xích lô đi dậy. Anh Nghi kể lại một chuyện khá thú vị:

- Trường Chu Văn An ngày đó nằm ở góc đường Minh Mạng và Triệu Đà. Trước mặt trường là Nhà thờ Ngã Sáu (Nhà thờ Jeanne D'Arc) và phía sau nhà thờ là công viên Văn Lang. Đường Minh Mạng có hàng cây dầu cổ thụ cao vút đầy bóng mát. Ngày đó những chiếc xe gắn máy của Nhật Bản đã xuất hiện khá nhiều ở Sài gòn. Bọn học trò Đệ Nhị chúng tôi phần lớn đi xe đạp hay xe vélo solex, mobylette hoặc Goebel. Một số bạn trong lớp gia đình khá giả đã có Honda dame, S50, Suzuki hay Yamaha loại 50 phân khối. Một vài lần, chúng tôi đã xin Thầy cho phép chúng tôi chở về. Một anh có xe không nhớ là Honda hay Kawasaki, mời Thầy lên phía sau, rồi chạy chính giữa. Cả chục anh khác cưỡi những chiếc Suzuki, Goebel… chạy hai bên. Thầy cười rất vui: "*Thầy không khác tổng thống, có đoàn xe mô tô hộ tống*"…

Trong một giờ học cuối năm trước Tết, chúng tôi xin Thầy một bài thơ. Thầy rất vui, viết lên bảng bốn câu thơ: "*Thầy quen dạy Toán, dạy Văn chương / Mỗi buổi trò ngoan ngoãn đến trường / Đâu biết chợ hoa quanh lớp học / Lời ong phấn bướm dậy yêu đương*".

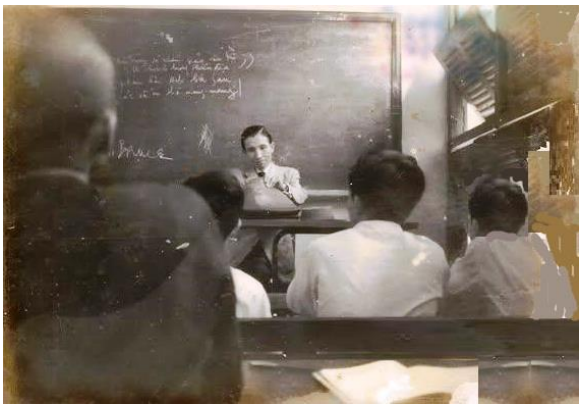

Thầy Chương có dậy Toán? Ít ai biết thầy đậu Tú Tài Bán Phần ban Cổ Ngữ và Tú Tài Toàn Phần ban Toán vào năm 1938. Khi đi tản cư tại chợ Đại, thầy Chương đã dậy Toán và Đinh Hùng dậy Việt Văn và Pháp văn. Cuối năm 1949, hồi cư về Hà Nội, thầy dậy tại trường Văn Lang của ông Ngô Duy Cầu, giai đoạn đầu dậy Toán và Lý Hóa, sau đổi qua dậy Việt Văn. Di cư vào Nam, thầy dậy tại hai trường Chu văn An và Văn Lang. Thầy dậy tới 48 giờ một tuần. Từ giữa năm 1969, sức khỏe yếu đi, thầy chỉ có thể dậy 16 giờ mỗi tuần. Trả lời cuộc phỏng vấn của đài phát thanh Tiếng Nói Tự Do vào đầu năm Quý Sửu 1973, thầy cho biết:

- Từ giữa năm 1972, tôi chỉ còn dậy 3 giờ một tuần, lớp 11 trường Chu văn An.

Suốt cuộc đời thầy sống nhờ tiền dậy học, được học trò yêu mến, nhưng nhà nhà thơ Thanh Tâm Tuyền lại nói:

- Vũ Hoàng Chương sinh ra để làm thơ không thể làm gì khác, dậy học chỉ là nghề tay trái.

Môn sinh của thầy trải dài trong nhiều năm có Mai Trung Tĩnh, Vương Đức Lệ, Lê Chính Long, Đào Trường Phúc, Lê Đình Điểu, Lưu Văn Vịnh…

Từ sau ngày rời trường Chu văn An, chúng tôi không còn có dịp gặp thầy. Cuộc sống vội vã đã kéo chúng tôi xa thầy, trừ anh Trần Huy Bích. Anh Bích vẫn lui tới, liên lạc với gia đình thầy, kể cả sau khi thầy mất vào ngày 6/9/1976. Cho tới sau này, từ Mỹ, anh Bích vẫn còn liên lạc với ***cô Thục Oanh*** và cháu Vũ Hoàng Tuân. Cả hai ngày nay đều đã đi theo thầy. Anh là người mật thiết với gia đình thầy nên biết rất rõ về người thầy quý mến của chúng tôi. Anh em lớp cũ tại Chu văn An vẫn gọi đùa anh là "*nhà Vũ Hoàng Chương học*"! Tôi nghĩ ông nghè Trần Huy Bích, với kiến thức hàn lâm, trí nhớ phi thường và sự thân cận với gia đình thầy, viết về thầy Chương là đúng chỉ số. Tôi không thể tóm gọn nội dung cuốn sách ngồn ngộn tài liệu quý báu này. Những ai muốn tìm hiểu cặn kẽ về thi hào nên có trong tay cuốn "Vũ Hoàng Chương: Ta Còn Để Lại Gì Không". Phần tôi, tôi đọc cuốn sách theo sở thích của tôi, dõi theo những bóng hình người đẹp trong cuộc đời Vũ Hoàng Chương: ***Tố Uyển, Tuyết Khanh, Ngân Giang và Ysa.***

Trong số này chỉ có Tố Uyển không phải là nữ sĩ nhưng lại được nhiều người biết nhất qua thơ của họ Vũ.

Trăng của nhà ai? trăng một phương!
Nơi đây rượu đắng mưa đêm trường.
Ờ! đêm tháng sáu mười hai nhỉ!
Tố của Hoàng ơi! hỡi nhớ thương.
Là thế! là thôi! là thế đó!
Mười năm thôi thế mộng tan tành
Mười năm, trăng cũ ai nguyền ước?
Tố của Hoàng ơi! Tố của anh!

Đây là mối tình đầu của thi hào. Trong thơ ông chỉ dùng một chữ Tố nhưng cái tên của người đẹp khá rắc rối. Thoạt đầu là Tố Vân sau nhà thơ xác nhận là **Tố Uyển**, tự là ***Kiều Thu***. Ngày 12/6 là ngày Tố Uyển đi lấy chồng, ngày Vũ Hoàng Chương ghi khắc trong lòng. Ngày 12 tháng 6 năm 1972, 31 năm sau khi người yêu lên xe hoa, 4 năm trước khi thi hào lìa đời, ông vẫn nhập tâm:

Năm 12 tháng ai không biết!
Đã tháng nào không tháng 6 chưa?
Tháng có 30 ngày để giết
Ngày 12 vẫn sống như xưa".

Chuyện tình bắt đầu vào năm 1935, khi Vũ Hoàng Chương đang theo học ban Tú Tài tại trường Albert Sarraut Hà Nội. Ông sống trong một căn gác trọ trong khi gia đình vẫn còn ở Nam Định. Bố của ông là Tri Huyện Vũ Thiện Thuật đã nhắm con gái của bạn ông, một vị quan Bố Chánh, cho Vũ Hoàng Chương. Là người theoTây học, thi sĩ không muốn bị ràng buộc vào chuyện cưới hỏi môn đăng hộ đối nên hai cha con bất hòa. ***Tố Uyển*** là một hoa khôi của Hà Nội khi đó mới 14 tuổi, đang học trường trung học Sainte Marie. Vũ Hoàng Chương

dậy kèm Anh văn cho Tố Uyển và cậu em. Hai người có tình ý với nhau. Gia đình Tố Uyển tán thành cuộc tình này tuy lúc đó các cô gái thường kén chồng theo tiêu chuẩn "*phi cao đẳng bất thành phu phụ*". Còn Vũ Hoàng Chương sau khi đậu Tú Tài, có ghi danh học trường Luật nhưng chỉ học phất phơ được vài ngày rồi bỏ đi làm Phó Kiểm Soát Viên Tập Sự cho Công Ty Hỏa Xa Đông Dương để có cơ hội đi giang hồ vặt. Bà mẹ của Tố Uyển là một thương gia, định sau khi con gái thành gia thất sẽ cho hai vợ chồng qua Pháp du học.

Vũ Hoàng Chương về thưa chuyện với cha mẹ xin đem trầu cau tới hỏi cưới ***Tố Uyển***. Ông bố Tri Huyện gạt đi với cái cớ không môn đăng hộ đối. Không cưới được người yêu, ông buồn phiền tìm quên trong những thú vui phù phiếm. ***Nàng tiên nâu*** bắt xác ông trong thời gian này. Ngày 12 tháng 6 năm Tân Tỵ (1941), Tố Uyển lên xe hoa về nhà chồng. Người có diễm phúc là ông Đào Bá Cương, Tri Huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh. Thi hào họ Vũ như điên như cuồng:

Men khói đêm nay sầu dựng mộ
Bia đề tháng sáu, ghi mười hai
Tình ta , ta tiếc; cuồng ta khóc
Tố của Hoàng nay Tố của ai?



Mối tình với Tố Uyển đã cho văn học Việt Nam nhiều bài thơ nhất tuy Tố Uyển không làm thơ. Tuyết Khanh vừa đóng kịch, vừa làm thơ và quan trọng nhất là cảm được thơ của Vũ Hoàng Chương. Đem lòng mến mộ ***Tuyết Khanh***, Vũ Hoàng Chương gặp trở ngại lớn: Hoàng Cầm cũng yêu nàng. Hoàng Cầm trẻ hơn họ Vũ 7 tuổi và rất nổi tiếng trên thi đàn. Khoảng năm 1946 giới văn nghệ ở Hà Nội lo lắng "thảm họa có thể xảy ra" vì "hai nhân tài cùng yêu một người đẹp". Nhưng hai thi nhân đều trọng tài của nhau nên rất tương kính với nhau. Chiến tranh lan tới Hà Nội, người người tản cư, mỗi người một hướng. Giữa năm 1947, Vũ Hoàng Chương không biết Tuyết Khanh giờ đang lưu lạc nơi nao nên làm bài thơ "Nhớ Cố Nhân".

Khanh của Hoàng ơi, lửa bốn phương
Khói lên ngùn ngụt chén tha hương
Nghe vang sóng rượu niềm ly tán
Chạnh xót nòi thơ buổi nhiễu nhương
Biết có đêm nào trăng Thủy Tạ
Ngâm cùng ai nữa kịch Anh Nương.

Anh Nương là tên khác của vở kịch "Cô Gái Ma" của Vũ Hoàng Chương mà chỉ mới một năm trước hai người đã cùng đứng với nhau trên sân khấu.

Từ năm 1947, Tuyết Khanh đã sống chung với Hoàng Cầm và có thai. Cuối thu năm 1948, Vũ Hoàng Chương gặp lại Tuyết Khanh khi đó đã từ Bắc Giang về sống ở Thái Bình. Trong cuốn "Ta Đã Làm Chi Đời Ta", họ Vũ kể lại : "Một đêm trăng, Đinh Hùng dẫn Khanh từ Đống Năm vào, cùng với Kiều Liên. Mới tạm xa nhau chưa đến hai mươi tháng mà khi tái ngộ nhìn nhau cứ ngơ ngáo như trong mộng".

Sau đó Tuyết Khanh về sống ở Hải Phòng và "bước đi bước nữa". Năm 1954, bà ôm con gái Kiều Loan mới được 6 tuổi, di cư vào Nam. Năm 1975, bà di tản qua Mỹ. Kiều Loan bị kẹt lại tới năm 1981 mới vượt biên được. Khi Hoàng Cầm vào Nam tìm hai mẹ con chỉ được gặp Kiều Loan. Tại Hoa Kỳ, Tuyết Khanh tu tại gia và ăn chay trường. Năm 1991, bà cho in tập thơ "Hương Sen" có bài "***Gửi Gió Đưa Hương***" với ghi chú : "Gửi cố nhân VHC".

Ngọn gió đưa hương đến suối đào
Nhắn rằng thế sự lắm gian lao
Duyên thơ xe kết bây nhiêu đó
Nợ bút ràng thêm tự thuở nào
Lá thắm chưa ngưng dòng ảo mộng
Tờ hoa đã khép cánh chiêm bao
Sương thu mờ xóa đôi bờ thẳm

Bóng nguyệt lênh đênh sóng dạt dào

Tuyết Khanh tạ thế vào ngày 15/8/2009 tại San Jose, California, hưởng thọ 88 tuổi. Con gái của bà và Hoàng Cầm, Kiều Loan đã xuất hiện ngâm bài thơ "***Bài Ca Sông Dịch***" trong buổi giỗ 50 năm Vũ Hoàng Chương tại đài SBTN.

Giao tình giữa Vũ Hoàng Chương và nữ sĩ ***Ngân Giang*** được tác giả Trần Huy Bích gọi là "*tình tri âm*". Ngân Giang kém họ Vũ một tuổi nhưng nổi tiếng trước. Nữ sĩ rất có thiện cảm với Vũ Hoàng Chương. Năm 1992, khi đó bà 76 tuổi và thi sĩ họ Vũ đã ra người thiên cổ được 16 năm, bà trả lời như sau khi được nhà văn Hoàng Quốc Hải hỏi về nhà thơ họ Vũ:

- Đẹp trai. Hồi trẻ anh ấy đẹp trai mà tài hoa, tinh tế, hóm hỉnh lắm. Nhớ cuộc tranh luận ầm ĩ về thơ cũ, thơ mới. Các nhà thơ mới lớn tiếng mạt sát thơ Đường luật. Nào 'gò bó', nào 'trói voi bỏ rọ', nào 'cổ hủ'. Vũ Hoàng Chương cũng thuộc phái thơ mới nhưng anh giữ thái độ im lặng. Bữa ngồi uống trà trong 'phòng thơ' của tôi, tôi hỏi nhỏ: "*Ý anh về thơ cũ thế nào*?". Anh nheo mắt cười rất hóm rồi bảo: "Ngân Giang cứ viết cho thật hay vào. Đừng câu nệ hình thức. Nhất là đừng để ý tới chuyện cãi cọ vặt ấy làm gì. Họ không làm được 'Đường', họ chỉ nấu 'kẹo' thôi nên nói nhảm".



Khi mới hồi cư về Hà Nội, vợ chồng Vũ Hoàng Chương thuê được một căn phòng nhỏ chỉ có một cái giường dành cho mẹ, hai vợ chồng phải trải chiếu nằm dưới sàn gạch. ***Ngân Giang*** làm công chức tại Sở Thông Tin Hà Nội ở gần đó, mỗi buổi trưa về nghỉ nhờ tại nhà vợ chồng Vũ Hoàng Chương, đã phải chen vào nằm giữa Hoàng và Thục Oanh. Bà làm cho bên quốc gia nhưng vẫn hoạt động cho phía bên kia. Năm 1954, Ngân Giang ở lại Hà Nội trong khi Vũ hoàng Chương di cư vào Nam. Bà tiếp tục được lưu dung. Tới năm 1957 bà bị thất sủng và bị đuổi việc. Khi đó bà đã 41 tuổi, nuôi 9 đứa con của ba đời chồng. Hai người trước không còn sống chung, người thứ ba ly dị. Bà lâm vào cảnh đói nghèo cùng cực. Nhiều bữa bà phải nhịn ăn để nhường cơm cho con. Khi các con ăn xong, bà nhặt nhạnh ít hạt cơm thừa, đổ nước vào nấu thành chút cháo loãng húp đỡ. Cái khó trong cuộc sống đã chui cả vào thơ của nữ sĩ:

Còn một củ khoai lại bị hà
Gạo thời không có, cháo đâu ra?

Sau ngày 30/4/1975, Vũ Hoàng Chương ở trong Nam, nghe được tin, cố tìm cách giúp đỡ. Khi em của thi sĩ là Vũ Hoàng Địch từ Bắc vào Nam thăm anh chị, họ Vũ đã gửi ra cho Ngân Giang một tấm vải gấm nâu, hoa văn chữ thọ, kẹp thêm là tờ giấy viết hai câu thơ ngày xưa của Ngân Giang: "Trên quãng đường chia ngả / Thì ngả nào không có lá rơi". Bà bán tấm vải, mua được 5 yến gạo và may được một bộ quần áo thường.

Cuối năm 1976, khi được tin Vũ Hoàng Chương tạ thế, bà làm bài thơ khóc bạn.

Ớ Vũ Hoàng ơi! Ớ Vũ Hoàng!

"Mười hai tháng sáu" lạnh màu tang!
"Mây" không lãng đãng theo chân ngựa
"Say" để bâng khuâng ngã giữa đường!
Một áng "bạch vân" dài nẻo nhớ,
Bài ca dị hóa khóc người thương.
Mà dòng Dịch thủy trôi trôi mãi
Rẽ lối "hoa lê trắng"dặm trường

Tháng 9 năm 1959, Vũ Hoàng Chương được mời tham dự hội nghị quốc tế về thơ tại Bỉ. Có 42 quốc gia cử người tham dự. Tại đây, họ Vũ được gặp hai nữ thi sĩ Bỉ: thi sĩ ***Simone Kuhnen de la Coeuillerie***, sanh năm 1905, hơn họ Vũ chẵn 10 tuổi, và thi sĩ trẻ Ysabel Baes, mới 15 tuổi, nhan sắc rất mặn mà, khi đó đã xuất bản thi tập đầu tay "***O Ma Jeunesse. O Ma Folie***". Vũ thi sĩ khi đó đã 44 tuổi thốt lên:

- Sao cũng mê nàng, sao bỏ ngôi.

Ông hứng thú làm một bài tứ tuyệt chữ Hán khen cô bé. Kỹ sư Trần Ngọc Khôi đã dịch ra như sau:

Nguyệt đúng rằm, không bợn chút mây,

Đắng lòng, thần nữ cũng co tay!
Sắc ngang hoa hậu, tài thi bá,
Nước Bỉ vì đâu được báu này?

Người thi sĩ đa tình này còn làm thơ khen nước da trắng "Đêm đêm nhìn ảnh mơ người / Đến mòn da phấn, môi cười nhòa hương", đôi mắt xanh "Xanh tuổi trăng tròn, xanh bát ngát / Trời xanh chết đuối mắt Ysa", mái tóc bạch kim của Ysabel "Mộng trắng thơ vàng tóc bạch kim". Ông dùng hết chữ nghĩa khen tươi sượi. Họ trao đổi với nhau bằng tiếng Pháp. Khi hội nghị kết thúc hai người đã thành đôi bạn thân. Trong thi tập "Cảm Thông", thi sĩ nhiều tuổi nhưng đa tình đã gọi thân mật nàng thơ 15 tuổi là Ysa. Ông muốn chuyển đổi trục địa cầu và kéo múi giờ để hai người gần nhau hơn:

Hai cõi chênh nhau một góc ngày
Trăng lên phương đó, lặn phương này
Đôi ta chẳng thể cùng chung bóng
Mà tiếc vầng trăng đẹp tối nay.
Ai gạt giùm ta trục địa cầu
Xiên về bên trái của châu Âu?
Để ta chung một vòng kinh tuyến
Khỏi bị Thời Gian chia rẽ nhau.

Hình như ông chỉ liên lạc được với Ysabel tới tháng 7 năm 1967. "*Công chúa Mười Lăm, nàng ở đâu? / Tìm nàng thôi đã nát Âu châu"*. Nàng đã "bỏ cuộc chơi", thành hôn với một nhà ngoại giao người Brazil và về ở quê chồng.

Bảy năm sau khi bặt tin tức Ysa, ông đã nhớ bài thơ tiếng Pháp của nhà thơ nữ trẻ:

J'ai embrassé les rêves
Qui passent puis s'achèvent.
J'ai embrassé la vie
Qui passe et qui fuit

Và cảm hứng viết:

Ôm đầy tay mộng cùng mơ
Mơ tan theo một lững lờ trôi qua.
Tình xuân ôm chặt mùa hoa,
Vòng ôm nhẹ hẫng, xuân nhòa về đâu?

Ông đề tặng bài thơ này "*Cho những ai đồng trang lứa với Ysa*". Trong tiềm thức, có lẽ Ysa nhắc nhớ ông tới mối tình đầu với cô bé 14 tuổi: ***Tố Uyển***! Một vòng tình đã khép lại!